

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **402/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/8/2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp ML, xã MP, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh S**, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang.

Chị H có mặt tại phiên tòa. Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau:*

Về hôn nhân: chị và anh Lê Thanh S tự nguyện quen nhau rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2009, đến năm 2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 109/2011, quyển số 01/2011 cấp ngày 27/6/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cách nay 01 năm, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh S hay ghen tuông, không tin tưởng chị, dùng lời lẽ xúc phạm chị. Từ đó, vợ chồng hay cự cãi, anh S đã đánh chị 03 lần, chị và anh S cũng đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H khai có ba con chung tên là Lê Y, sinh ngày 17/10/2010, Lê Chí K, sinh ngày 03/11/2012 và Lê Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/8/2014. Hiện các con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thanh S đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của S và tình trạng hôn nhân của anh S và chị H.

** Tại phiên tòa:*

- Chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh S, yêu cầu được nuôi ba con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng việc gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự chậm so với thời hạn quy định, cần rút kinh nghiệm.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh S; giao ba con chung là Lê Y, Lê Trí K, Lê Thị Huyền Trân cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Lê Thanh S có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay,

chị H có mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai, không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Thanh S tự nguyện kết hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 109/2011, quyền số 01/2011 cấp ngày 27/6/2011 nên xét hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn theo chị H là do anh S hay ghen tuông, không tin tưởng chị, dùng lời lẽ xúc phạm chị, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã, anh S đã đánh chị 03 lần, chị và anh S cũng đã ly thân với nhau hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S. Quá trình giải quyết vụ án đến nay, anh S vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, cho thấy anh S không muốn tạo điều kiện hàn gắn lại tình cảm với chị H, anh chị cũng đã có một khoảng thời gian dài không sống chung với nhau, cho thấy hôn nhân giữa anh chị đã không còn hạnh phúc và không có khả năng hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P và đúng với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, chị H và anh S có ba con chung tên Lê Y, sinh ngày 17/10/2010, Lê Chí K, sinh ngày 03/11/2012 và Lê Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/8/2014. Hiện các con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi các con. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay các con đang sống ổn định với chị H. Cháu Trân còn nhỏ tuổi, còn cháu Ý và cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa chị H có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc tốt cho các cháu. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao ba con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P và đúng với quy định tại Điều 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Theo quy định của pháp luật, chị H và những thành viên trong gia đình không được cản trở cho anh S đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc của hai bên, của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2011, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 27/6/2011 cho Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Thanh S không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Lê Y, sinh ngày 17/10/2010, cháu Lê Chí K, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Lê Thị Huyền Trân, sinh ngày 21/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Chị H và những thành viên trong gia đình không được cản trở anh S đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0003377 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Đường sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung